

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-36

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/01/2013
Ông Trần Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc	Nghi hưu ngày 29/01/2013
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban	
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2013
Ông Phạm Ngọc Thắng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/04/2013

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 10 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác (Công ty TNHH Kiểm toán ASC). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25 tháng 03 năm 2013.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

---

**Lê Đức Minh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1628-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>869.253.233.347</b>	<b>1.206.560.033.686</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	146.112.536.235	361.672.624.621
111	1. Tiền		76.112.536.235	51.672.624.621
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.000.000.000	310.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	346.241.942.442	463.537.632.300
121	1. Đầu tư ngắn hạn		362.851.498.242	478.588.306.200
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(16.609.555.800)	(15.050.673.900)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		271.829.144.113	308.770.375.394
131	1. Phải thu của khách hàng		236.747.660.459	212.069.049.673
132	2. Trả trước cho người bán		39.997.133.468	40.329.120.128
135	5. Các khoản phải thu khác	5	6.508.308.116	61.536.799.058
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.423.957.930)	(5.164.593.465)
140	IV. Hàng tồn kho	6	93.739.670.508	65.930.074.111
141	1. Hàng tồn kho		93.739.670.508	65.930.074.111
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.329.940.049	6.649.327.260
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.876.860	391.869.832
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		8.808.884.938	3.510.540.922
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	671.808.427	599.159.852
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.846.369.824	2.147.756.654
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.082.480.917.364</b>	<b>904.032.010.982</b>
220	II. Tài sản cố định		323.803.294.394	220.808.127.425
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	153.521.427.391	164.229.815.180
222	- Nguyên giá		322.903.409.547	311.533.266.041
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(169.381.982.156)	(147.303.450.861)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	33.333.328	53.333.332
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.666.672)	(6.666.668)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	170.248.533.675	56.524.978.913
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	737.413.177.059	655.975.947.655
251	1. Đầu tư vào công ty con		646.117.034.099	564.679.804.695
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		91.296.142.960	91.296.142.960
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.264.445.911	27.247.935.902
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.198.397.911	27.181.887.902
268	3. Tài sản dài hạn khác		66.048.000	66.048.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.951.734.150.711</b>	<b>2.110.592.044.668</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>327.758.084.801</b>	<b>522.856.251.057</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		288.658.996.598	485.422.377.776
312	2. Phải trả người bán		212.876.218.434	77.263.021.367
313	3. Người mua trả tiền trước		2.612.200.340	7.700.818.642
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	12.097.843.548	12.621.735.897
315	5. Phải trả người lao động		21.333.947.765	22.032.601.593
316	6. Chi phí phải trả	15	334.000.000	70.076.222.317
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	25.805.746.376	282.815.632.813
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.599.040.135	12.912.345.147
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>39.099.088.203</b>	<b>37.433.873.281</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		1.585.633.992	1.335.633.992
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		32.014.454.211	30.098.239.289
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		5.499.000.000	6.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.623.976.065.910</b>	<b>1.587.735.793.611</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>1.622.503.471.970</b>	<b>1.581.785.793.611</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		4.000.000.000	2.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		223.528.471.970	179.785.793.611
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.472.593.940</b>	<b>5.950.000.000</b>
432	1. Nguồn kinh phí	18	1.472.593.940	5.950.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.951.734.150.711</b>	<b>2.110.592.044.668</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013</b>	<b>01/01/2013</b>
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		38.740,46	17.543,54
- Đồng Yên nhật (JPY)		33.000,00	33.000,00

**Đoàn Thị Lan Phương**  
Người lập

**Phạm Tuấn Anh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Trọng Tiểu**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2012	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.194.600.995.419	1.231.506.876.123		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	4.254.864.127	751.543.882		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.190.346.131.292	1.230.755.332.241		
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.025.565.311.630	1.041.141.412.313		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		164.780.819.662	189.613.919.928		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	173.588.543.336	133.590.966.311		
22	7. Chi phí tài chính	24	5.865.103.184	7.860.920.506		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.636.217.090	39.394.054		
24	8. Chi phí bán hàng	25	26.975.626.448	19.631.575.936		
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	50.665.844.850	79.863.357.991		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		254.862.788.516	215.849.031.806		
31	11. Thu nhập khác		44.654.148	368.440.057		
32	12. Chi phí khác		684.118.739	10.608		
40	13. Lợi nhuận khác		(639.464.591)	368.429.449		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		254.223.323.925	216.217.461.255		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	33.585.645.566	37.179.426.027		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>220.637.678.359</u>	<u>179.038.035.228</u>		

*(Signature)*

*T. Anh*



Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.180.856.127.529	1.370.843.280.338
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(981.411.559.152)	(896.286.199.275)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(54.462.509.886)	(52.509.176.924)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3.636.217.090)	(39.394.054)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(34.109.537.915)	(36.201.100.316)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		42.204.763.085	245.789.305.500
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(203.232.296.363)	(324.389.988.020)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(53.791.229.792)</i>	<i>307.206.727.249</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(126.439.650.378)	(72.522.948.410)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(117.385.120.000)	(298.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		266.952.200.000	8.450.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(70.061.229.404)	(8.101.553.600)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.500.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		176.222.192.247	136.104.741.288
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>129.288.392.465</i>	<i>(232.069.560.722)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(5.025.000.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		258.794.023.157	19.697.026.875
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(258.794.023.157)	(19.697.026.875)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(286.031.320.000)	(35.939.740.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(291.056.320.000)</i>	<i>(35.939.740.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(215.559.157.327)</i>	<i>39.197.426.527</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		361.672.624.621	322.474.500.200
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(931.059)	697.894
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>146.112.536.235</u>	<u>361.672.624.621</u>

Đoàn Thị Lan Phương  
Người lập

Phạm Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2013*

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty như sau:

Nơi thành lập và  
hoạt động

Hoạt động kinh doanh  
chính

Khách sạn Bình Minh - Hà Nội

Thành phố Hà Nội

Kinh doanh khách sạn

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

#### **1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.6 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05	năm

Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa 3 năm tài chính.

**2.9 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Tổng Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".



**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13 . Các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

**2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

**2.16 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

105  
TY  
HỮU  
TOA  
HA

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.453.058.964	879.210.234
Tiền gửi ngân hàng	74.659.477.271	50.793.414.387
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	310.000.000.000
	<b>146.112.536.235</b>	<b>361.672.624.621</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	24.230.756.200	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	338.620.742.042	454.357.550.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(16.609.555.800)	(15.050.673.900)
	<b>346.241.942.442</b>	<b>463.537.632.300</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2013		01/01/2013	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND
<b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		<b>24.230.756.200</b>		<b>24.230.756.200</b>
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	1.732.091	24.230.756.200	1.732.091	24.230.756.200
<b>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng</b>		<b>160.000.272.042</b>		<b>230.000.000.000</b>
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		<b>178.620.470.000</b>		<b>224.357.550.000</b>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam		95.000.000.000		95.000.000.000
Công ty CP Thiết bị điện		-		45.880.000.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội		-		31.072.200.000
Công ty CP Khí cụ điện I		7.735.350.000		5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương		10.000.000.000		10.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI		15.000.000.000		15.000.000.000
Công ty CP Cơ điện Hà Nội		-		1.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari		12.385.120.000		10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội		4.500.000.000		4.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội		1.000.000.000		5.670.000.000
Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng		33.000.000.000		-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(16.609.555.800)</b>		<b>(15.050.673.900)</b>
Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội		(16.609.555.800)		(15.050.673.900)
		<b>346.241.942.442</b>		<b>463.537.632.300</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	135.299.438	29.515.091
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.329.786.500	2.329.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	3.478.077.800	4.246.099.500
Phải thu về đóng góp xây dựng hạ tầng KCN Hoàn Sơn, Bắc Ninh	-	3.000.000.000
Phải thu về cổ phần hóa	-	35.208.570.992
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho cổ đông	-	16.206.840.000
Phải thu khác	565.144.378	515.986.975
	<b><u>6.508.308.116</u></b>	<b><u>61.536.799.058</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	27.478.661.754	25.082.897.785
Công cụ, dụng cụ	1.058.820.368	222.222.569
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.568.373.585	9.362.566.630
Thành phẩm	59.633.814.801	31.262.387.127
	<b><u>93.739.670.508</u></b>	<b><u>65.930.074.111</u></b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-
Thuế Thu nhập cá nhân	381.591.477	318.575.852
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	280.584.000	280.584.000
	<b><u>671.808.427</u></b>	<b><u>599.159.852</u></b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	1.807.815.544	2.109.202.374
Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	16.084.280
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	22.470.000	22.470.000
	<b><u>1.846.369.824</u></b>	<b><u>2.147.756.654</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Tại ngày 01/01/2013	192.257.368.789	105.875.954.490	10.412.405.634	2.987.537.128	-	311.533.266.041						
Mua sắm	-	15.135.574.720	-	78.834.545	-	15.214.409.265						
Giảm khác	(1.821.767.778)	(711.785.098)	(42.547.619)	(1.268.165.264)	-	(3.844.265.759)						
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>190.435.601.011</b>	<b>120.299.744.112</b>	<b>10.369.858.015</b>	<b>1.798.206.409</b>	<b>-</b>	<b>322.903.409.547</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Tại ngày 01/01/2013	83.354.933.181	56.523.621.984	5.578.784.864	1.846.110.832	-	147.303.450.861						
Trích khấu hao	12.246.449.276	11.348.918.234	1.481.877.669	410.835.298	-	25.488.080.477						
Giảm khác	(1.782.109.680)	(635.258.607)	(15.495.060)	(976.685.835)	-	(3.409.549.182)						
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>93.819.272.777</b>	<b>67.237.281.611</b>	<b>7.045.167.473</b>	<b>1.280.260.295</b>	<b>-</b>	<b>169.381.982.156</b>						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày 01/01/2013	108.902.435.608	49.352.332.506	4.833.620.770	1.141.426.296	-	164.229.815.180						
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>96.616.328.234</b>	<b>53.062.462.501</b>	<b>3.324.690.542</b>	<b>517.946.114</b>	<b>-</b>	<b>153.521.427.391</b>						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 65.907.976.677 đồng.
- Giảm khác là các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2013	60.000.000	60.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2013	6.666.668	6.666.668
Trích khấu hao	20.000.004	20.000.004
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>26.666.672</b>	<b>26.666.672</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2013	53.333.332	53.333.332
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>33.333.328</b>	<b>33.333.328</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>170.216.086.250</b>	<b>56.524.978.913</b>
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	546.451.273	546.451.273
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành (*)	169.669.634.977	55.978.527.640
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>10.394.413</b>	-
Máy quần dây	10.394.413	-
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>22.053.012</b>	-
Công công ty	22.053.012	-
	<b>170.248.533.675</b>	<b>56.524.978.913</b>

(\*) Dự án xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư 443,9 tỷ đồng, thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của Tổng Công ty, thời gian thực hiện từ quý 2 năm 2009 và dự kiến hoàn thành vào quý 2 năm 2014.

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>646.117.034.099</b>	<b>564.679.804.695</b>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	168.419.045.174
Công ty CP Thiết bị điện	92.462.038.822	92.462.038.822
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	264.414.733.181	262.849.233.181
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	5.332.103.750
Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	5.488.477.000	5.488.477.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	27.333.284.404	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>91.296.142.960</b>	<b>91.296.142.960</b>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977
	<b>737.413.177.059</b>	<b>655.975.947.655</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	81,34%	81,34%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	Thành phố Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương (*)	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(\*) Trong năm, Tổng Công ty thực hiện mua 1.793.758 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương căn cứ theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 05 năm 2013 của Hội đồng quản trị, do đó Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương trở thành công ty con của Tổng Công ty với tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 65,02%.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Thành phố Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Thành phố Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

**Đầu tư vào công ty liên doanh**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	11.088.358.801	2.398.716.577
Chi phí thuê đất	7.983.015.636	8.179.950.600
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.396.379.108	3.734.349.845
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	616.609.922	943.608.718
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	10.828.384.276
Chi phí trả trước khác	114.034.444	1.096.877.886
	<b>21.198.397.911</b>	<b>27.181.887.902</b>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.097.843.548	12.621.735.897
	<b>12.097.843.548</b>	<b>12.621.735.897</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.850.000.000
Trích trước chi phí mua hàng chưa có hóa đơn	-	64.806.222.317
Trích trước phí kiểm toán	230.000.000	270.000.000
Chi phí phải trả khác	104.000.000	150.000.000
	<b>334.000.000</b>	<b>70.076.222.317</b>

**16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.771.192.748	2.659.855.977
Phải trả về cổ phần hoá	-	113.550.911.413
Phải trả cổ tức cho cổ đông	28.940.000	134.267.100.000
Đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của CBCNV	1.133.046.560	1.133.046.560
Phải trả, phải nộp khác	872.567.068	11.204.718.863
	<b>25.805.746.376</b>	<b>282.815.632.813</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
<b>Năm 2012</b>							
Tại ngày 01/01/2012	1.400.000.000.000	-	-	(47.327.444)	-	162.547.758.383	1.562.500.430.939
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	179.038.035.228	179.038.035.228
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.000.000.000	(161.800.000.000)	(159.800.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	47.327.444	-	-	47.327.444
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>179.785.793.611</b>	<b>1.581.785.793.611</b>
<b>Năm 2013</b>							
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000	179.785.793.611	1.581.785.793.611
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	220.637.678.359	220.637.678.359
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.000.000.000	(176.895.000.000)	(174.895.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(5.025.000.000)	-	-	-	-	(5.025.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>(5.025.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>223.528.471.970</b>	<b>1.622.503.471.970</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 45/TBĐVN/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm trước như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	179.038.035.228
Trích Quỹ dự phòng tài chính	1,12%	2.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,35%	6.000.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (0,5% lợi nhuận sau thuế)	0,50%	895.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	93,83%	168.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,20%	2.143.035.228

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,83%	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000
	<b>100%</b>	<b>1.400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.400.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	168.000.000.000	154.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	168.000.000.000	154.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	139.500.000	140.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ Tổng Công ty**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	4.000.000.000	2.000.000.000
	<b>4.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

**18 . NGUỒN KINH PHÍ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	5.950.000.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	5.950.000.000
Chi sự nghiệp	(4.477.406.060)	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<b>1.472.593.940</b>	<b>5.950.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	531.016.164.066	606.430.185.758
Doanh thu bán hàng hóa	631.023.687.812	595.554.404.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.561.143.541	29.522.285.625
	<b><u>1.194.600.995.419</u></b>	<b><u>1.231.506.876.123</u></b>

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	4.254.864.127	751.543.882
	<b><u>4.254.864.127</u></b>	<b><u>751.543.882</u></b>

**21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	526.899.462.666	606.103.043.876
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	631.010.687.812	595.544.404.740
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.435.980.814	29.107.883.625
	<b><u>1.190.346.131.292</u></b>	<b><u>1.230.755.332.241</u></b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	389.090.437.048	440.532.628.841
Giá vốn của hàng hóa đã bán	622.234.812.096	585.734.001.728
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.240.062.486	14.874.781.744
	<b><u>1.025.565.311.630</u></b>	<b><u>1.041.141.412.313</u></b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	52.461.217.996	65.758.851.929
Cổ tức, lợi nhuận được chia	121.120.766.760	67.814.245.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.614.832	17.869.282
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.943.748	-
	<b><u>173.588.543.336</u></b>	<b><u>133.590.966.311</u></b>